TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 71/2024/DS-ST Ngày 27-6-2024 V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lài.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo.

Bà Võ Thị Hồng Tươi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 225/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 62/2024/QĐ-ST ngày 04/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Từ Văn T, sinh năm 1976; hộ khẩu thường trú: tổ 8, khu phố V, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Bà Đinh Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ thường trú: 40 Hoa Cúc, phường 7, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi làm việc tại Công ty TNHH sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đ; địa chỉ: khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đ; địa chỉ: khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thành N, chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2023, đơn bổ sung ngày 21/6/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Vào tháng 5/2022, bà Đinh Thị H có thoả thuận với ông T về việc cung ứng vật liệu với nội dung ông T cung cấp và vận chuyển vật liệu xây dựng theo số lượng và địa điểm giao hàng do bà H yêu cầu, địa điểm là Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch

vụ Đ; bà H có trách nhiệm kiểm đếm hàng nhập đúng số lượng, địa điểm theo yêu cầu và T toán tiền cho ông T theo từng đợt. Việc thực hiện thoả thuận được tiến hành đầy đủ về số lượng và giá cả trong suốt thời gian từ tháng 5/2022 đến tháng 01/2023 với tổng số hàng hoá được tính thành tiền đã được ông T và bà H công nhận. Tổng số tiền hàng hoá là 420.220.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng). Bà H đã T toán cho ông T số tiền 397.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi bảy triệu đồng), số tiền còn lại phải thanh toán là 23.220.000 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng). Vì ông T chỉ mua bán với bà H nên ông T xác định chỉ khởi kiện yêu cầu bà H phải trả số tiền 23.220.000 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng), không yêu cầu Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Đ trả.

Việc mua bán giữa ông T và bà H chỉ mua bán bằng miệng qua điện thoại; khi đổ vật liệu xây dựng bà H hướng dẫn ông T đến Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Đ, cứ đến cuối tháng là thanh toán tiền, có chứng kiến của nhân viên Công ty. Đến tháng 01/2023 ông T tiếp tục đổ đá, cát, xi măng nhưng bà H không thanh toán hết mà còn nợ 23.220.000 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Quá trình mua bán, bà H đã thanh toán cho ông T số tiền 397.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi bảy triệu đồng). Số tiền còn nợ lại là 23.220.0000 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, khi ông T ghi số tiền xác nhận nợ còn lại do làm tròn nên chỉ ghi 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng). Ông T ghi xong giấy xác nhận tiền thì bà H không đồng ý ký tên vì cho rằng ông T bán vật liệu giá cao nên không đồng ý thanh toán số tiền này.

Ông T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà H thanh toán tiền nhưng bà H không đồng ý. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H thanh toán cho ông T số tiền mua vật liệu xây dựng là 23.220.000 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng), không yêu cầu tiền lãi.

Ngày 08/4/2024 và tại phiên tòa, ông T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 220.000 đồng (Hai trăm hai mươi nghìn đồng), chỉ yêu cầu bà H thanh toán số tiền mua hàng là 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng).

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng

xét xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Từ Văn T về việc yêu cầu bà Đinh Thị H thanh toán số tiền 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng); đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 220.000 đồng (Hai trăm hai mươi nghìn đồng) nguyên đơn đã rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Từ Văn T khởi kiện yêu cầu bà Đinh Thị H T toán số tiền mua bán hàng là 23.000.000 đồng nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Bị đơn bà Đinh Thị H làm việc tại Công ty TNHH sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đ; địa chỉ: khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn bà Đinh Thị H và Công ty TNHH sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đ đã được Tòa án cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3] Ngày 08/4/2024, nguyên đơn ông Từ Văn T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà Đinh Thị H T toán số tiền 220.000 đồng (Hai trăm hai mươi nghìn đồng). Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T yêu cầu bị đơn bà H T toán tiền mua hàng:

Hội đồng xét xử xét thấy: tại Biên nhận ghi số tiền 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng) không có ngày tháng năm, không có người ký tên xác nhận mà ông T cung cấp theo hồ sơ khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án yêu cầu ông T cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng) này là tiền bà H còn nợ ông T chưa thanh toán; cung cấp chứng cứ việc mua bán hàng hóa giữa ông T và bà H; chứng cứ bà H đã thanh toán cho ông T số tiền 397.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng) nhưng ông T không cung cấp gì thêm. Do vậy, không đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bà Đinh Thị H phải thanh toán số tiền 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng).

Quá trình tố tụng, Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho bà H hợp lệ. Bà H không đến Tòa để tham gia tố tụng, cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Mặc nhiên, bà H đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu do ông T đưa ra. Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ ông T cung cấp để giải quyết vụ án.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn ông Từ Văn T phải chịu tiền án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 180, 227, 228, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 398, 401 và 463, 466 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 220.000 đồng (Hai trăm hai mươi nghìn đồng) của nguyên đơn ông Từ Văn T đối với bị đơn bà Đinh Thị H.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Từ Văn T về việc buộc bị đơn bà Đinh Thị H phải thanh toán số tiền 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Từ Văn T phải chịu 1.150.000 đồng (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 580.000 đồng (Năm trăm tám mươi nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008108 ngày 05/10/20223 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Ông Từ Văn T phải nộp thêm số tiền 570.000 đồng (Năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự (3);
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Lài